

Bản án số: 73/2018/HS-ST
Ngày 31-10-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỖ
Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Tuấn
Các hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Quốc Việt
Ông Nguyễn Tất Dũng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Giang - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đồng Hỷ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ tham gia phiên tòa: Bà Lý Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 31 tháng 10 năm 2018 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ hỷ tiến hành xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 65/2018/TLHS-ST ngày 19/9/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 65/2018/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo:

Trương Văn N- Tên gọi khác: Không - Sinh ngày: 07/7/1960

- Nơi đăng ký NKTT và chỗ ở hiện nay: xóm L, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.
- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Sán Dìu; Tôn giáo: Không
- Trình độ học vấn: 5/10; Nghề nghiệp: Làm ruộng
- Con ông: Trương Văn H. Đã chết.- Con bà: Hoàng Thị L. Đã chết.
- Vợ: Vy Thị H – Sinh năm: 1962
- Con: Có 04 con, con lớn sinh năm 1984, con nhỏ sinh năm 1992.
- Gia đình có 05 anh chị em, bị cáo là con thứ năm trong gia đình.
- Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 19/4/2018 đến ngày 13/6/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn, từ tạm giam sang biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện bị cáo tại ngoại tại địa phương.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

*** Người bị hại:**

- Anh Trương Văn T - sinh năm 1966. (Có mặt)

Trú quán: Xóm L, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

***Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại:**

- Ông Phạm Ngọc Khuê –Luật sư,cộng tác viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thái Nguyên. (Có mặt)

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

Ông Ân Văn N–sinh năm 1952. (Vắng mặt).

Trú tại: Xóm L, xã T, huyện Đ, Thái Nguyên.

*** Người làm chứng:**

1. Chị Từ Thị B- Sinh năm 1989 (Có mặt)

2. Chị Từ Thị H- Sinh năm 1994 (Vắng mặt)

3. Anh Trương Văn T sinh năm 1997. (Vắng mặt).

4. Anh Trương Văn T– sinh năm 1978. (Có mặt)

5. Chị Âu Thị N–sinh năm 1977 . (Vắng mặt)

6. Bà Đặng Thị N–sinh năm 1964 (Có mặt)

7. Bà Hoàng Thị M– sinh năm 1948 (Vắng mặt)

8. Anh Trương Văn T. (Có mặt)

Đều trú tại : Xóm L, xã T, huyện Đ, Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 31/12/2017, Trương Văn N đi bộ từ nhà ra ngã ba đường thuộc khu vực xóm L, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên thì gặp ông Trương Văn T (sinh năm 1966), ông Âu Văn N (sinh năm 1952), bà Đặng Thị N(sinh năm 1964) và bà Hoàng Thị M (sinh năm 1948), đều trú tại xóm L, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, đang ngồi sưởi ấm bên đồng lửa. Trong lúc ngồi sưởi ấm, ông Trương Văn T và Trương Văn N có xảy ra mâu thuẫn dẫn đến xô xát và đánh nhau. Được ông N và anh Âu Văn T (con trai Âu văn N) đến can ngăn, N bỏ về nhà của mình. Khoảng 10 phút sau, N đi bộ từ nhà ra chỗ mọi người sưởi ấm, lúc này có thêm chị Âu Thị N(sinh năm 1977), chị Từ Thị H(sinh năm 1994) cùng trú tại xóm L, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái

Nguyên cùng ngồi sưởi ấm, N hỏi ông T: “Có thích đánh nhau không”, thì ông T trả lời: “Có”, lúc này N lao tới dùng chân đạp ông T ngã ra đường, bị N đạp ngã ông T vùng dậy dùng tay phải của mình cầm chiếc ghế gỗ vừa ngồi và lao tới đập chiếc ghế gỗ vào vùng đầu của N 02 nhát, thấy vậy N rút từ trong áo khoác ngoài của mình ra 01 con dao dài khoảng 20cm (loại dao một lưỡi), đâm vào ngực trái ông T 01 nhát, ông T bỏ chạy về cổng nhà mình thì bị N đuổi theo và dùng dao đâm 02 nhát vào vùng bụng bên phải của ông T tại khu vực cạnh cổng nhà ông T. Ông T tiếp tục chạy về hướng nhà ông Trương Văn X thì N vẫn tiếp tục đuổi theo và dùng dao đâm 01 nhát vào bên sườn trái của ông T. Sau đó ông T chạy đến cổng nhà ông X gặp anh Trương Văn T (sinh năm 1978, trú tại xóm L, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên) đưa đi cấp cứu tại bệnh viện đa khoa trung ương Thái Nguyên và điều trị đến ngày 18/01/2018 ra viện, còn N đi điều trị tại bệnh viện A Thái Nguyên đến ngày 12/01/2018 ra viện.

Ngày 02/01/2018, anh Trương Văn B (con trai của ông Trương Văn T) có đơn trình báo đề nghị cơ quan CSĐT Công an huyện Đồng Hỷ giải quyết theo quy định của pháp luật .

Ngày 19/4/2018, Trương Văn N bị bắt theo Lệnh bắt bị can để tạm giam số 15 ngày 12/4/2018 của cơ quan CSĐT Công an huyện Đồng Hỷ .

Vật chứng của vụ án gồm: Đối với con dao do N dùng đâm ông T Cơ quan điều tra đã truy tìm. Tuy nhiên không thu hồi được .

Đối với 01 cái ghế gỗ, chiều dài 22cm, chiều rộng 16cm, chiều cao 8cm, đã qua sử dụng Công an xã Tân Lợi lập biên bản sự việc thu giữ ngày 31/12/2017. Hiện đang được lưu giữ tại kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đồng Hỷ chờ xử lý.

Quá trình giải quyết vụ án ông Trương Văn T yêu cầu Trương Văn N bồi thường tổn hại sức khỏe số tiền 80.000.000đ (trong đó số tiền 2.285.726đ có phiếu thu, hóa đơn). Tuy nhiên N chỉ đồng ý bồi thường cho ông T số tiền 20.000.000đ. Đến nay vấn đề bồi thường dân sự chưa giải quyết được.

Tại bản cáo trạng số: 66/KSĐT ngày 18 tháng 9 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ đã truy tố bị cáo Trương Văn N về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo khoản 3 Điều 104 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội “*Cố ý gây thương tích*”. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo thể hiện qua bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Áp dụng khoản 3 Điều 104; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS; Căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về việc thi hành Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 3 Điều 7/BLHS năm 2015 thì hành vi phạm tội của bị cáo được xử lý và áp dụng theo nguyên tắc có lợi. Đối với tội Cố ý gây thương tích, theo quy định tại khoản 3 Điều 104/BLHS năm 1999 tương ứng với khoản 4 Điều 134/BLHS năm 2015. Xử phạt bị cáo N mức án từ 06 đến 07 năm tù giam.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng 41 BLHS năm 1999 ; Điều 106 BLTTHS: Tịch thu tiêu hủy vật chứng không có giá trị sử dụng 01 cái ghế gỗ, chiều dài 22cm, chiều rộng 16cm, chiều cao 8cm, đã qua sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo và người bị hại. Bị cáo phải bồi thường sức khỏe cho người bị hại số tiền 50.000.000đ(Năm mươi triệu đồng).

Bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo, căn cứ Nghị quyết 326 về án phí. Đề nghị miễn một phần án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm.

Ý kiến của luật sư bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho người bị hại:

Cáo trạng của VKS nhân dân huyện Đồng Hỷ truy tố đối với bị cáo và Quyết định đ- a vụ án ra xét xử của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ là có căn cứ, đúng ng- ời đúng tội.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 104; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS. Xử phạt bị cáo mức án từ 07 đến 08 năm tù giam.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo và người bị hại. Bị cáo phải bồi thường sức khỏe cho người bị hại số tiền 50.000.000đ(Năm mươi triệu đồng).

Bị cáo và người bị hại không có ý kiến tranh luận, bị cáo nói lời sau cùng, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã đ- ọc thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

*** Về tố tụng:**

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đồng Hỷ, Điều tra viên, Viện kiểm sát huyện Đồng Hỷ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ nào theo quy định của pháp luật; bị cáo không có ý kiến hoặc

khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

*** Về nội dung:**

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay bị cáo thừa nhận bản cáo trạng của VKS nhân dân huyện Đồng Hỷ đã truy tố đối với bị cáo là đúng, không oan. Lời khai nhận tội của bị cáo N phù hợp với biên bản hiện tr-ởng, tình trạng thương tích, kết luận giám định pháp y, lời khai của ng-ời bị hại, ng-ời làm chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Nh- vậy có đủ căn cứ xác định:

Hồi 20 giờ ngày 31/12/2017, tại xóm L, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Do có mâu thuẫn nên bị cáo đã không kiềm chế được hành vi đã dùng 01 con dao kích thước khoảng 20 cm đâm 01 nhát vào ngực trái, 01 nhát vào sườn trái và 02 nhát vào vùng bụng bên phải của Trương Văn T.

Tại Bệnh án ngoại của Bệnh viện Đa khoa Trung ương Thái Nguyên xác định tình trạng thương tích lúc vào viện của ông Trương Văn T như sau: Đa chấn thương đầu mặt cổ, cột sống cổ, ngực, thắt lưng, hai tay, hai chân, bụng, ngực .

Tại bản kết luận giám định pháp y số 45/TgT ngày 23/02/2018 của Trung tâm pháp y thuộc Sở y tế Thái Nguyên kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể của ông Trương Văn T do thương tích gây nên hiện tại là 70 % .

Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Cố ý gây thương tích*" quy định tại khoản 3 Điều 104 Bộ luật hình sự, Viện kiểm sát truy tố là có căn cứ.

Nội dung điều 104 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm:

a, Dùng hung khí nguy hiểm...

2. Phạm tội gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 31% đến 60% hoặc từ 11% đến 30%, nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

3. Phạm tội gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 61% trở lên hoặc dẫn đến chết người hoặc từ 31% đến 60%, nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này, thì bị phạt tù từ năm năm đến mười lăm năm."

Bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra theo điều luật nói trên.

[3] Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, do mâu thuẫn nhỏ bị cáo đã không kiềm chế, xâm phạm đến sức khỏe người khác được pháp luật bảo vệ, hành vi của bị cáo đã gây mất trật tự an ninh xã hội ở địa phương. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm minh, cần buộc bị cáo phải chịu mức án tương ứng với tính chất, mức độ hành vi gây ra.

[4] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy:

Về nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, là người dân tộc hiểu biết pháp luật hạn chế.

Về tình tiết giảm nhẹ bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS. Ngoài ra, người bị hại cũng có một phần lỗi khi sự việc xảy ra đã không kiềm chế được lời nói, hành vi và cũng gây thương tích cho bị cáo với tỷ lệ 5%. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS.

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 48 BLHS.

Căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về việc thi hành Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 3 Điều 7/BLHS năm 2015 thì hành vi phạm tội của bị cáo được xử lý và áp dụng theo nguyên tắc có lợi. Đối với tội Cố ý gây thương tích, theo quy định tại khoản 3 Điều 104/BLHS năm 1999 tương ứng với khoản 4 Điều 134/BLHS năm 2015.

Nội dung khoản 4 Điều 134/BLHS năm 2015 quy định:

“1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

a) Dùng hung khí nguy hiểm.

...

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 14 năm:

...

d) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này.”

Xét bị cáo có nhân thân tốt, tại phiên tòa bị cáo nhận thấy lỗi làm nhất trí bồi thường cho người bị hại nên giảm cho bị cáo một phần hình phạt thể hiện chính sách nhân đạo và khoan hồng của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị cáo và người bị hại thỏa thuận bồi thường sức khỏe. Xét việc thỏa thuận bồi thường là tự nguyện đúng đạo đức, pháp luật. Nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo và người bị hại. Bị cáo phải bồi thường sức khỏe cho người bị hại số tiền 50.000.000đ(Năm mươi triệu đồng).

Vật chứng của vụ án gồm: Đối với con dao bị cáo dùng đâm ông T Cơ quan điều tra đã truy tìm không thu hồi được .

Đối với 01 cái ghế gỗ, chiều dài 22cm, chiều rộng 16cm, chiều cao 8cm, đã qua sử dụng. Không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy .

Trong vụ án này, Trương Văn T có hành vi dùng ghế gỗ đánh Trương Văn N thương tích . Tại Bệnh án ngoại của Bệnh viện A Thái Nguyên xác định tình trạng thương tích lúc vào viện của Trương Văn N như sau: Chấn thương vùng đầu mặt .Tại bản kết luận giám định pháp y số 46/TgT ngày 23/02/2018 của Trung tâm pháp y thuộc Sở y tế Thái Nguyên kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể của Trương Văn N do thương tích gây nên hiện tại là 05 %.

Nhận thấy hành vi của T là cố ý gây thương tích do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, nhưng chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm quy định tại Điều 106 Bộ luật hình sự năm 1999. Do đó, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đồng Hỷ đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “xâm hại đến sức khỏe của người khác” đối với Trương Văn T là đúng quy định của pháp luật.

Xét lời đề nghị của luật sư bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho người bị hại tại phiên tòa ngày hôm nay là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa ngày hôm nay là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

[6] Bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo và có đơn xin miễn án phí, căn cứ Nghị Quyết số 326/ 2016/UBTVQH 14 326/2016/UBTVQH14 quy định về về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Miễn án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm đối với bị cáo.

[7] Bị cáo, Người bị hại, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Trương Văn N phạm tội "*Cố ý gây thương tích*".

* Áp dụng: khoản 3 Điều 104; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999; Căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về việc thi hành Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 3 Điều 7/BLHS năm 2015 .

Xử phạt: Trương Văn N 05 (*Năm*) năm tù giam. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án. (*Được trừ đi thời gian đã tạm giam từ ngày 19/4/2018 đến ngày 13/6/2018*).

* **Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng Điều 42 BLHS năm 1999 (nay là Điều 48 BLHS năm 2015), Điều 357; 590 BLDS; Ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo và người bị hại. Bị cáo phải bồi thường sức khỏe cho người bị hại số tiền 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người bị hại có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo N không thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

* **Về vật chứng của vụ án:** Áp dụng Điều 41 BLHS năm 1999 (nay là Điều 46 BLHS năm 2015), Điều 106 BLTTHS năm 2015: Tịch thu tiêu hủy vật chứng không có giá trị sử dụng gồm: 01 cái ghế gỗ, chiều dài 22cm, chiều rộng 16cm, chiều cao 8cm, đã qua sử dụng.

(Tình trạng vật chứng như trong biên bản giao vật chứng ngày 24/9/2018 giữa Công an và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hỷ)

* **Về án phí:** Áp dụng Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Miễn án phí hình sự và dân sự sơ thẩm đối với bị cáo.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, Người bị hại. Báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể ngày nhận được bản án./.

Nơi nhận:

- TA tỉnh;
- VKS tỉnh và huyện Đồng Hỷ;
- Công an Đồng Hỷ;
- THA phạt tù;
- Chi cục THA huyện;
- UBND xã;
- B/c; Lưu,

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quang Tuấn

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, người bị hại báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quang Tuấn

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, người bị hại. Báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TA tỉnh;
- VKS Đồng Hỷ;
- Công an Đồng Hỷ;
- THA phạt tù;
- Chi cục THA huyện;
- UBND xã;
- B/c;
- Lưu,

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quang Tuấn